|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****BẮC NINH****¯¯¯¯¯¯¯¯¯** | **ĐỀ ÔN TẬP SỐ 01****KỲ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2023****Môn: Địa lí****Thời gian làm bài: 50 phút** |

**\* Giáo viên ra đề:** Hoàng Thị Thu Hằng

**Đơn vị công tác:** Trường THPT Hoàng Quốc Việt

**\* Giáo viên thẩm định:** Nguyễn Thị Hải Yến

**Đơn vị công tác:** Trường THPT Quế Võ 3

**Câu 41:** Cho bảng số liệu:

0396752282 DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Lào** | **Mi-an-ma** | **Thái Lan** | **Việt Nam** |
| Diện tích *(nghìn km2)* | 230,8 | 652,8 | 510,9 | 331,3 |
| Dân số *(nghìn người)* | 7 337,8 | 55 295,0 | 65 213,0 | 98 506,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của một số quốc gia?

**A.** Lào cao hơn Việt Nam. **B.** Việt Nam cao hơn Thái Lan.

**C.** Thái Lan thấp hơn Mi-an-ma. **D.** Mi-an-ma thấp hơn Lào.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu cho biết nơi nào sau đây có lượng mưa lớn nhất vào tháng XI?

 **A.** Hoàng Sa. **B.** Thanh Hóa. **C.** Cần Thơ. **D.** Trường Sa.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các ngành Công nghiệp trọng điểm, cho biết miền Bắc có nhà máy nhiệt điện nào sau đây?

 **A.** Thác Bà. **B.** Nậm Mu. **C.** Na Dương. **D.** Hòa Bình.

**Câu 44:** Than antraxit tập trung nhiều nhất ở vùng

 **A.** Đồng bằng sông Cửu Long. **B.** Đông Nam Bộ.

 **C.** Đồng bằng sông Hồng. **D.** Trung du miền núi Bắc Bộ.

**Câu 45:** Cho biểu đồ:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á, NĂM 2019

*(Đơn vị: Triệu USD)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **Xuất khẩu** | **Nhập khẩu** |
| Ma-lai-xi-a | 3 788,8 | 7 290,9 |
| Phi-li-pin | 3 729,7 | 1 577,4 |

(*Nguồn: Theo Niên giám thống kê Việt Nam năm 2019, NXB Thống kê 2020)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng với cán cân xuất khẩu, nhập khẩu của các quốc gia, năm 2019?

**A.** Ma-lai-xi-a nhập siêu, Phi-lip-pin xuất siêu. **B.** Ma-lai-xi-a nhập siêu, Phi-lip-pin nhập siêu.

**C.** Ma-lai-xi-a xuất siêu, Phi-lip-pin xuất siêu. **D.** Ma-lai-xi-a xuất siêu, Phi-lip-pin nhập siêu.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có quy mô GDP lớn nhất Đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Long Xuyên. **B.** Cần Thơ. **C.** Kiên Lương. **D.** Mỹ Tho.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc Đông Nam Bộ?

 **A.** Đồng Tháp. **B.** Xa Mát. **C.** Hà Tiên. **D.** An Giang.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng tây bắc - đông nam?

 **A.** Sông Đồng Nai **B.** Sông Đà. **C.** Sông Lục Nam. **D.** Sông Thu Bồn.

**Câu 49:** Công nghiệp nước ta hiện nay

 **A.** chỉ có ở đồng bằng. **B.** rất ít ngành.

 **C.** chỉ có khai thác. **D.** đa dạng sản phẩm.

**Câu 50:** Thuận lợi đối với khai thác hải sản ở Đông Nam Bộ là

 **A.** vùng biển rộng, có các ngư trường. **B.** rừng ngập mặn rộng, nhiều bãi triều.

 **C.** thềm lục địa rộng, có các mỏ dầu. **D.** đường bờ biển dài, nhiều bãi biển.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Tây Nguyên?

**A.** Vĩnh Sơn. **B.** Yaly. **C.** A Vương. **D.** Sông Hinh.

**Câu 52:** **:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây thuộc tỉnh Thừa Thiên - Huế?

 **A.** Na Mèo. **B.** Cha Lo. **C.** Nậm Cắn. **D.** A Đớt.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 3 nối Hà Nội với nơi nào sau đây?

**A.** Lạng Sơn. **B.** Hà Giang. **C.** Lào Cai. **D.** Bắc Kạn.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết các trung tâm du lịch nào sau đây có quy mô cùng cấp?

**A.** Hạ Long, Hà Nội. **B.** Hải Phòng, Đà Nẵng.

**C.** Vũng Tàu, Nha Trang. **D.** Cần Thơ, Huế.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng, cho biết mỏ apatit có ở tỉnh nào sau đây?

**A.** Lào Cai. **B.** Lai Châu. **C.** Yên Bái. **D.** Sơn La.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết ngành công nghiệp khai thác, chế biến lâm sản có ở trung tâm nào sau đây?

 **A**. Phan Thiết. **B**. Nha Trang. **C**. Sóc Trăng. **D**. Vũng Tàu.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây thuộc tỉnh Phú Yên?

**A.** Tuy Hòa. **B.** Cam Ranh. **C.** Phan Thiết. **D.** Nha Trang.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp biển?

 **A.** Hà Tĩnh. **B.** Quảng Ngãi. **C.** Ninh Thuận. **D.** An Giang.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết đỉnh núi nào cao nhất miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

**A.** Vọng Phu **B.** Kon Ka Kinh **C.** Chư Yang Sin. **D.** Ngọc Linh

**Câu 60:** Biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta là

 **A.** định canh định cư. **B.** chống ô nhiễm nước.

 **C.** bảo vệ vốn rừng. **D.** ban hành sách đỏ.

**Câu 61:** Vùng thường xảy ra lũ quét nhất nước ta là

 **A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ. **B.** Đồng bằng sông Hồng.

 **C.** Tây Nguyên. **D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào có diện tích cây công nghiệp hàng năm nhiều nhất trong các tỉnh sau đây?

**A.** Bình Thuận. **B.** Nghệ An. **C.** Gia Lai. **D.** Hà Tĩnh.

**Câu 63:** Chăn nuôi gia cầm ở nước ta hiện nay

 **A.** là một trong số nguồn cung cấp thịt chủ yếu. **B.** chăn nuôi gia cầm tăng mạnh với tổng đàn ít.

 **C.** đang phát triển mạnh ở vùng núi và trung du. **D.** sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu ra nước ngoài.

**Câu 64:** Khó khăn về tự nhiên đối với phát triển ngành thủy sản nước ta hiện nay là

 **A.** cảng cá còn chưa đáp ứng yêu cầu. **B.** nguồn lợi thủy sản đang bị suy giảm.

 **C.** trình độ của lao động còn chưa cao. **D.** công nghệ chế biến chậm đổi mới.

**Câu 65:** Công nghiệp nước ta hiện nay chuyển dịch theo hướng

 **A.** giảm tối đa sở hữu ngoài Nhà nước. **B.** phân bố đồng đều tại khắp các vùng.

 **C.** tăng tỉ trọng sản phẩm có giá trị cao. **D.** tập trung nhiều cho việc khai khoáng.

**Câu 66:** Lao động trong công nghiệp nước ta hiện nay

 **A.** làm nhiều nghề, số lượng nhỏ. **B.** có số lượng đông, trình độ nâng cao.

 **C.** có tác phong công nghiệp rất cao. **D.** tập trung chủ yếu ở nông thôn.

**Câu 67:** Điều kiện thuận lợi phát triển du lịch biển - đảo ở nước ta là

 **A.** ven biển có nhiều vụng biển kín, nhiều cửa sông.

 **B.** có nhiều bãi tắm rộng, phong cảnh đẹp, khí hậu tốt.

 **C.** vùng biển có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú.

 **D.** nằm gần các tuyến hàng hải quốc tế trên Biển Đông.

**Câu 68:** Vị trí địa lí đã làm cho tự nhiên nước ta

 **A.** có khí hậu, thời tiết biến đổi khắc nghiệt. **B.** mang tính chất cận xích đạo gió mùa.

 **C.** phân hóa đa dạng, có nhiều thiên tai. **D.** phân hóa chủ yếu theo độ cao địa hình.

**Câu 69:** Các thành phố nước ta hiện nay

 **A.** đều là các trung tâm du lịch khá lớn. **B.** có số dân nhỏ và mật độ dân cư thấp.

 **C.** có lao động trình độ kĩ thuật cao. **D.** chỉ duy nhất phát triển công nghiệp.

**Câu 70:** Giao thông vận tải đường biển nước ta

 **A.** chưa có các cảng nước sâu quy mô lớn. **B.** có khối lượng hàng hóa luân chuyến ít.

 **C.** gắn liền với hoạt động ngoại thương. **D.** tập trung chủ yếu ở các tỉnh phía Bắc.

**Câu 71:** Phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Trung du và miền núi Bắc Bộ nhằm mục đích chủ yếu là

**A.** thay đổi cơ cấu kinh tế, phát huy lợi thế, tạo cảnh quan mới.

**B.** nâng cao mức sống, tăng trưởng kinh tế, phát huy thế mạnh.

**C.** sử dụng hợp lí tài nguyên, tăng thu nhập, bảo vệ môi trường.

**D.** đổi mới phân bố sản xuất, khai thác tiềm năng, tạo việc làm.

**Câu 72:** Hoạt động xuất khẩu của nước ta ngày càng phát triển chủ yếu do

 **A.** hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển sản xuất hàng hóa.

 **B.** tăng cường quản lí nhà nước, mở rộng thêm thị trường.

 **C.** đa dạng hóa sản xuất, hình thành các ngành mũi nhọn.

 **D.** khai thác hiệu quả thế mạnh, nâng cao nguồn thu nhập.

**Câu 73:** Cho biểu đồ về số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta, giai đoạn 2010 - 2020:

****

*(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**A.** Quy mô số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị.

**B.** Cơ cấu số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị.

**C.** Tốc độ tăng trưởng số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị.

**D.** Sự thay đổi cơ cấu số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị.

**Câu 74:** Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh chế biến sản phẩm cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

**A.** thu hút dân cư từ các vùng khác, tạo ra nhiều việclàm.

**B.** tăng chất lượng nông sản, mở rộng thị trường xuấtkhẩu.

**C.** tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa, nâng cao giá trị kinh tế.

**D.** vị đa dạng hóa cơ cấu nông nghiệp, tạo sức hút với đầu tư.

**Câu 75:** Ý nghĩa chủ yếu của việc xây dựng các tuyến đường ngang ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

 **A.** phát triển kinh tế các huyện phía tây, nâng cao đời sống nhân dân.

 **B.** mở rộng vùng hậu phương cảng, tạo thế mở cửa hơn nữa cho vùng.

 **C.** xây dựng nhiều khu kinh tế cửa khẩu, thu hút khách du lịch quốc tế.

 **D.** hình thành thêm mạng lưới đồ thị mới, phân bố lại dân cư các vùng.

**Câu 76:** Trở ngại lớn nhất trong việc sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

 **A.** địa hình thấp, lũ kéo dài, nhiều vùng đất rộng lớn bị ngập sâu.

 **B.** một vài loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước.

 **C.** phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn, lại có mùa khô sâu sắc.

 **D.** sông ngòi, kênh rạch chằng chịt trở ngại cho việc cơ giới hóa.

**Câu 77:** Phát triển nông nghiệp hàng hoá ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

 **A.** đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hoá, tạo nhiều việc làm.

 **B.** thúc đẩy phân hoá lãnh thổ, tạo ra mô hình sản xuất mới.

 **C.** tăng chất lượng nông sản, khai thác hiệu quả tài nguyên.

 **D.** đáp ứng nhu cầu thị trường, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**Câu 78:** Giải pháp chủ yếu thúc đẩy sự phát triển các khu kinh tế ven biển ở Bắc Trung Bộ là

 **A.** hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, mở rộng thị trường, tăng cường xuất khẩu.

 **B.** thu hút đầu tư, trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật, đào tạo nguồn lao động.

 **C.** phát triển nguyên liệu, khai thác hợp lí tài nguyên, bảo vệ môi trường.

 **D.** đảm bảo năng lượng, mở rộng diện tích, tạo thêm nhiều sản phẩm mới.

**Câu 79:** Khí hậu miền Nam phân thành hai mùa rõ rệt chủ yếu do tác động kết hợp của

 **A.** gió mùa Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và độ cao địa hình.

 **B.** Tín phong Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới và áp thấp nhiệt đới.

 **C.** Tín phong bán cầu Bắc với địa hình dãy núi Trường Sơn Nam.

 **D.** gió hướng Tây Nam, Tín phong bán cầu Bắc và hướng địa hình.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH RỪNG VÀ TỈ LỆ CHE PHỦ RỪNG CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2008 - 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2008** | **2012** | **2018** | **2021** |
| Tổng diện tích *(Nghìn ha)* | 13 118,8 | 13 862,0 | 14 491,3 | 14 745,2 |
| Rừng tự nhiên *(Nghìn ha)* | 10 348,6 | 10 423,8 | 10 255,5 | 10 171,7 |
| Tỉ lệ che phủ rừng *(%)* | 38,7 | 40,7 | 41,7 | 42,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện diện tích rừng và tỉ lệ che phủ rừng của nước ta giai đoạn 2008 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

**A.** Miền. **B.** Đường. **C.** Kết hợp. **D.** Tròn.